CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

Ngân hàng TMCP Quân Đội

Ngày 31/12/2025	25,300 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-1.6%	**-5.8%**	**27.7%**

DT thuần
Q4/25
-11,577
tỷ VNĐ
QoQ: ▼2,302| -24.8%
YoY: ▼4,267| -58.4%

LN thuần
Q4/25
0
tỷ VNĐ

LN sau thuế
Q4/25
-7.52
tỷ VNĐ
QoQ: ▼10.8| -331%
YoY: ▼11.4| -295%

Tỷ suất lãi EBIT
2025
34.9%
YoY: +/-▲ 6.9%

ROE
2025

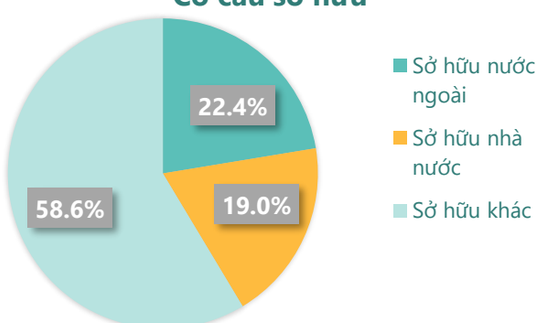
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	15,499 - 28,450
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	203,791
Số lượng CPLH (CP)	8,054,999,909
KLGD BQ 20 phiên (CP)	24,044,892
Sở hữu nước ngoài	22.4%
Beta	1.12
EPS	3,325
P/E	7.6

DT thuần
2025
-37,478
tỷ VNĐ
YoY: ▼9,568| -34.3%

LN thuần
2025
0
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1,378| 100%

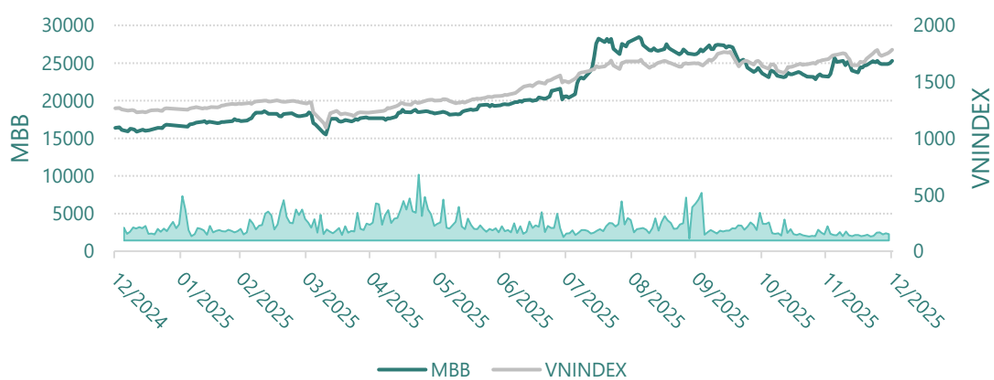
LN sau thuế
2025
-8.51
tỷ VNĐ
YoY: ▼18.7| -183%

Cơ cấu sở hữu

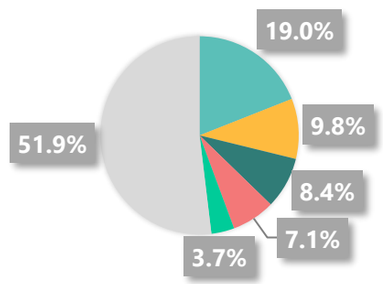


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

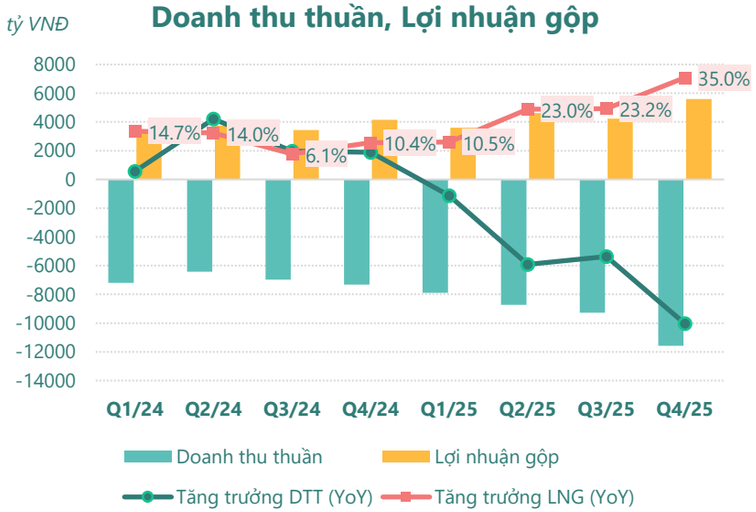


- Tập đoàn Công nghiệp - Viễn Thông Quân đội
- Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước - Công ty TNHH
- Tổng Công ty Trực thăng Việt Nam - Công ty TNHH
- Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn
- Công ty TNHH Nhà nước MTV Thương mại và xuất nhập khẩu Viettel

(Nguồn: fireant.vn)

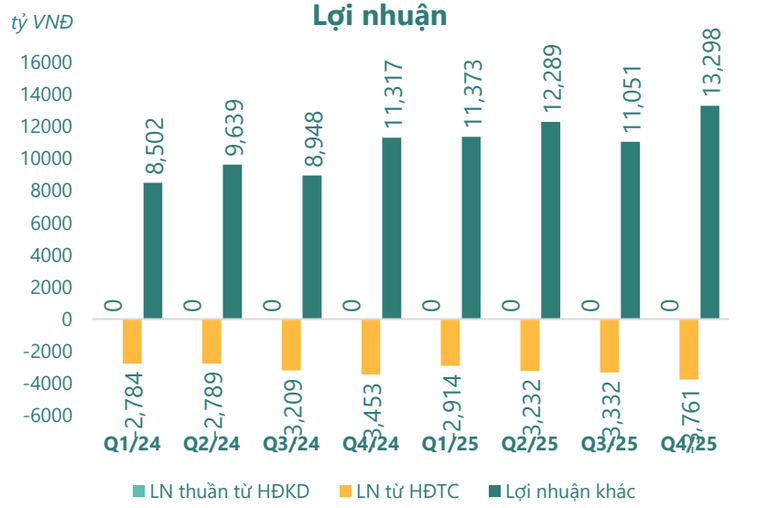
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



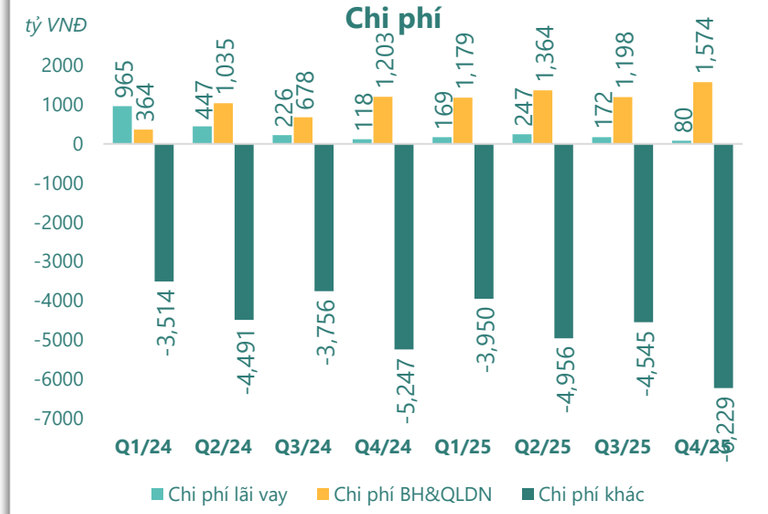
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



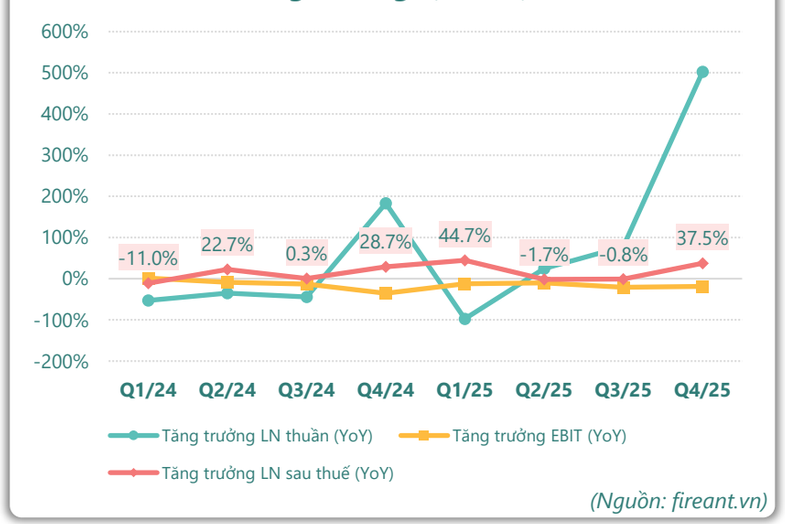
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



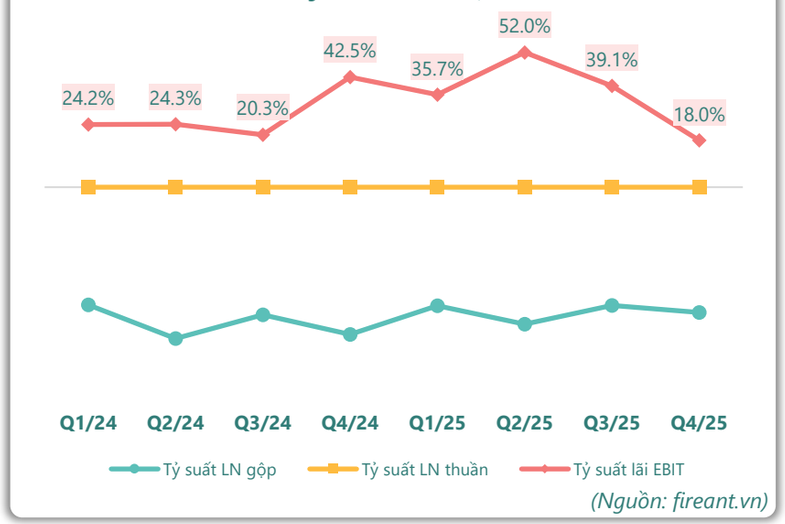
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



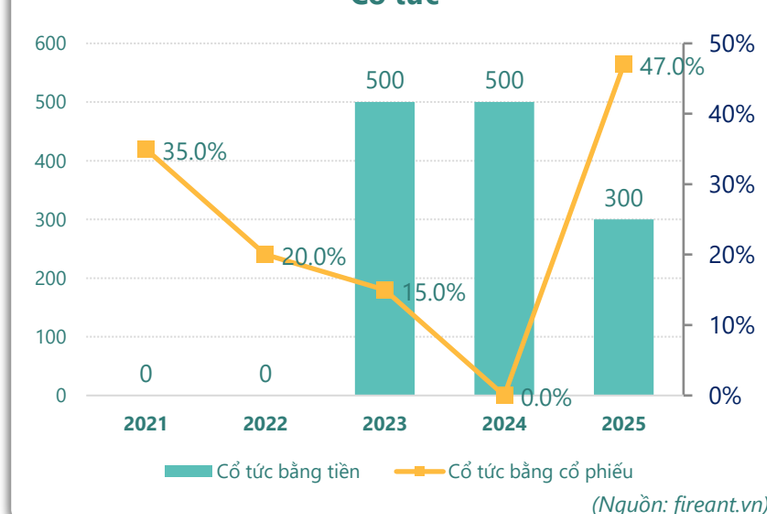
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

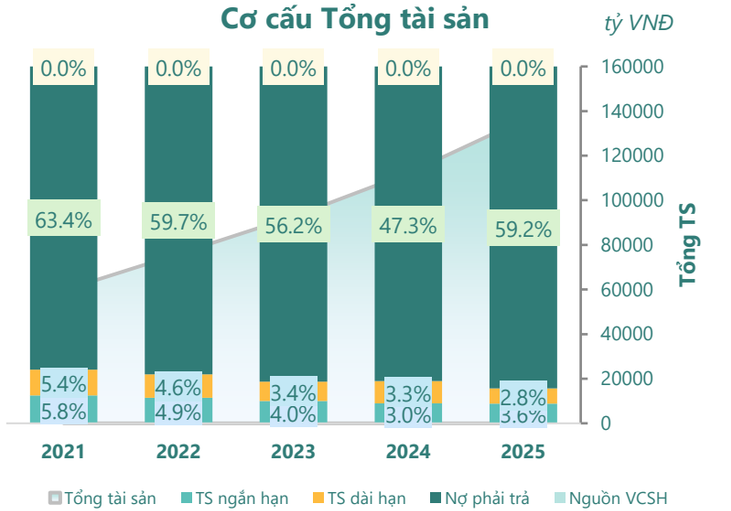
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

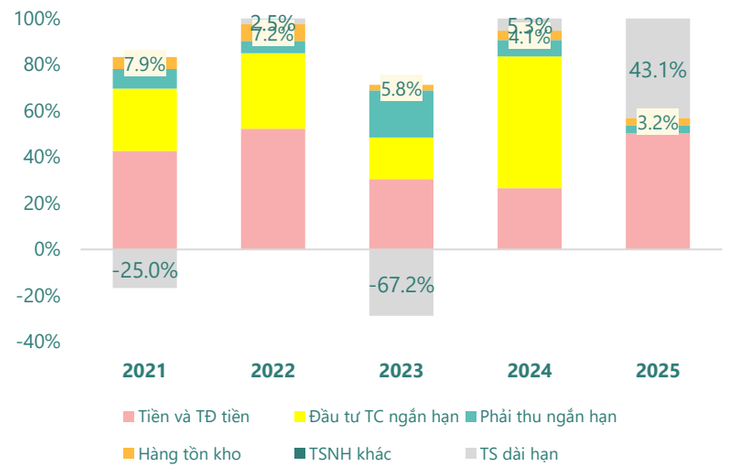
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



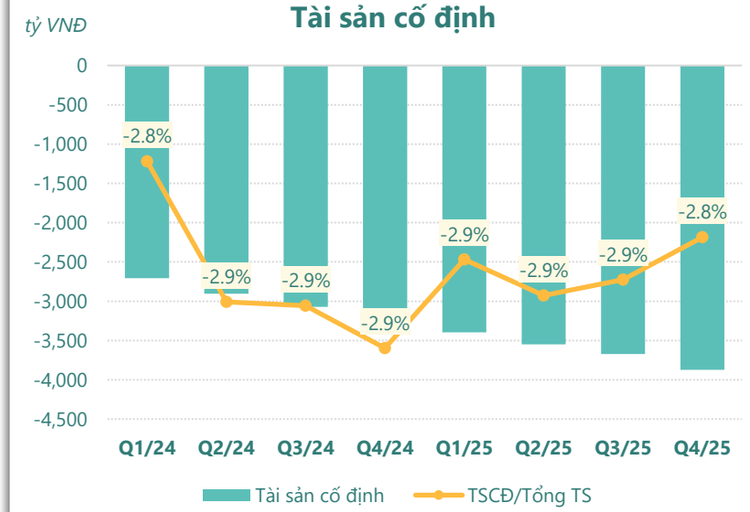
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



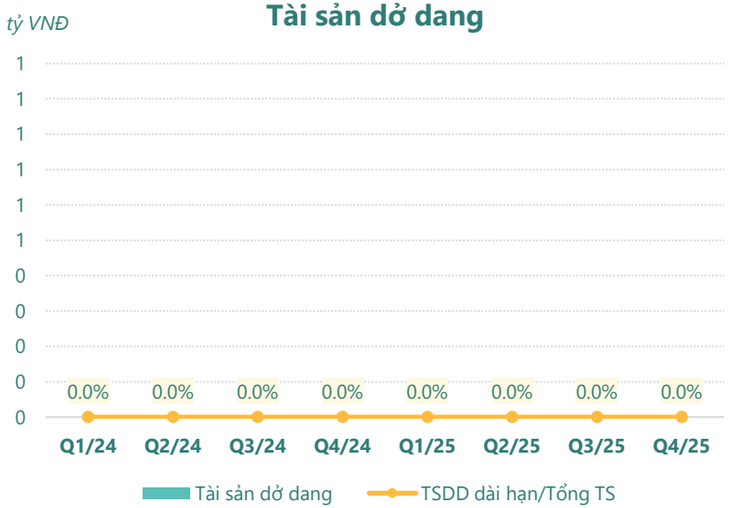
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



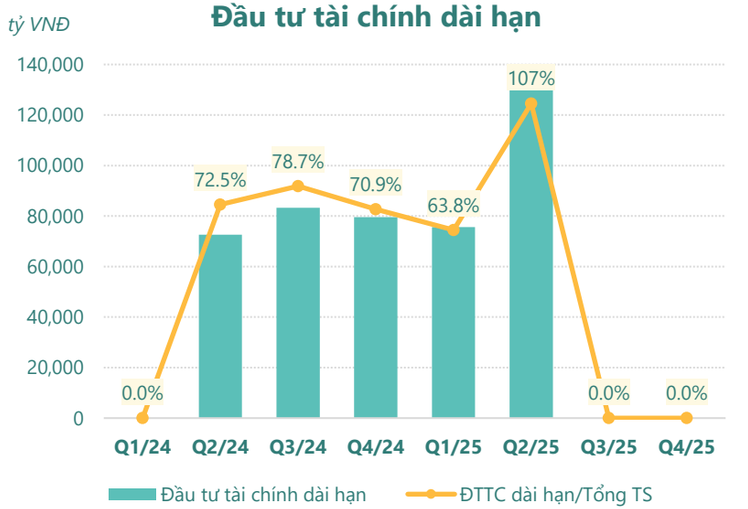
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



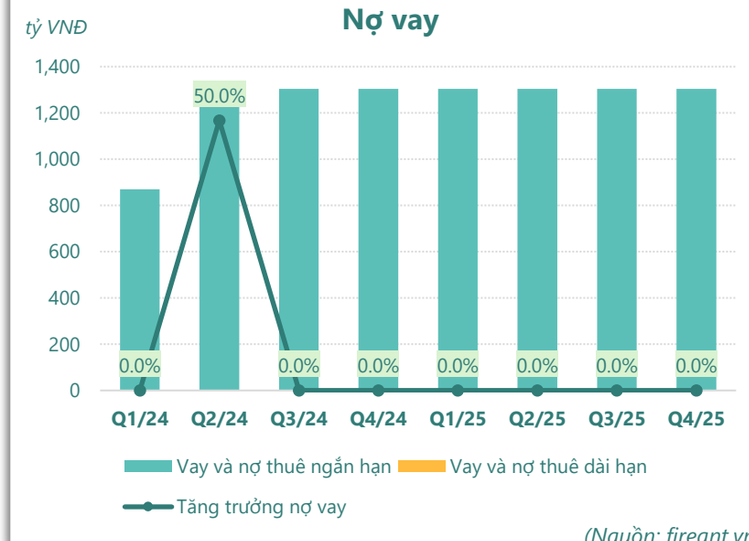
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

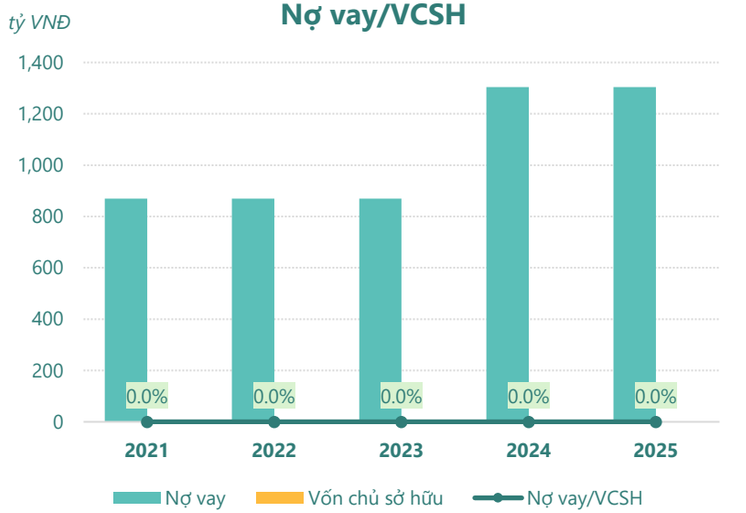
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

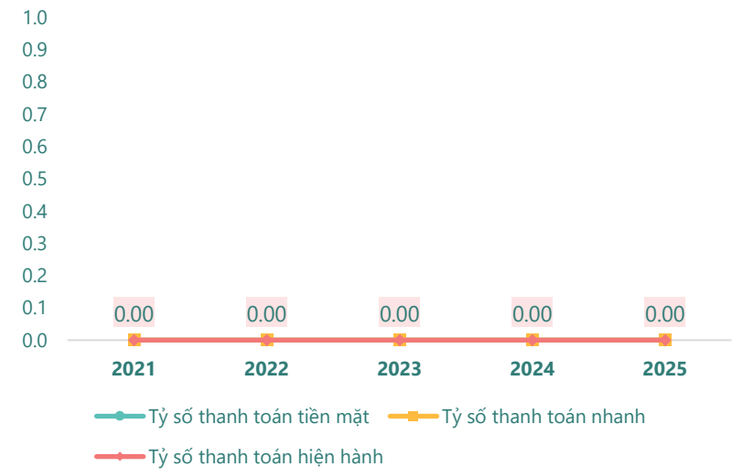
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



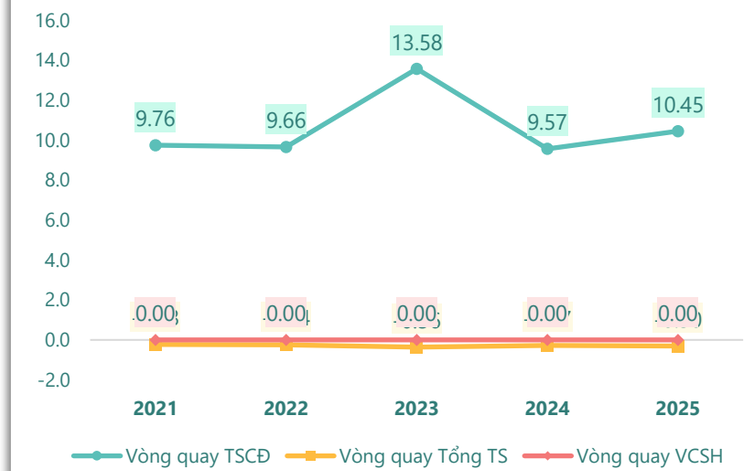
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



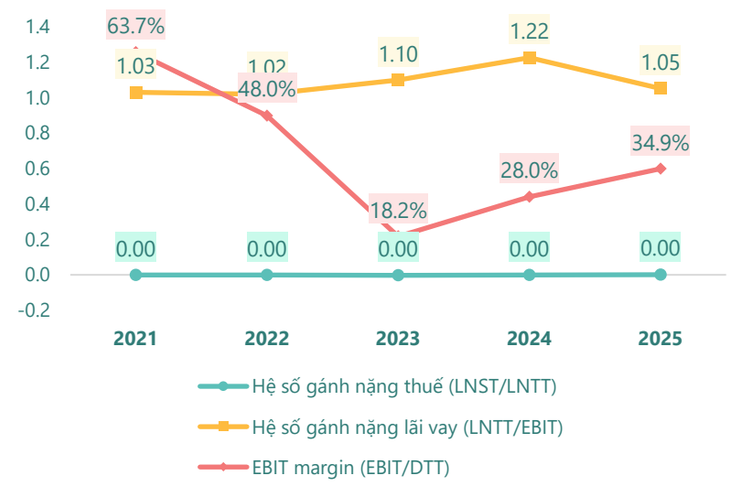
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



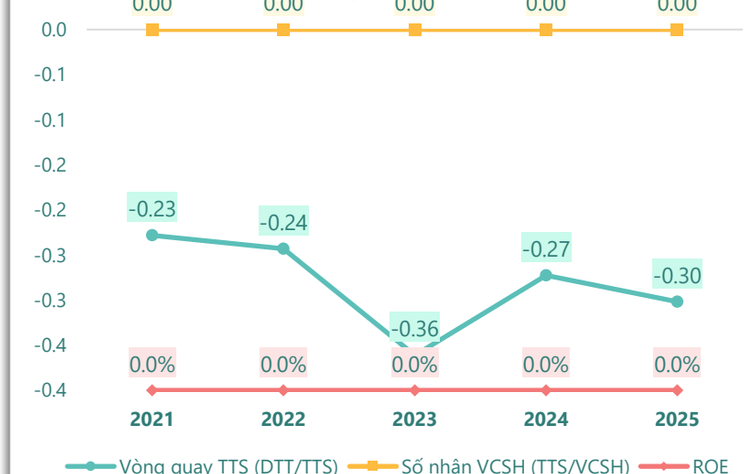
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



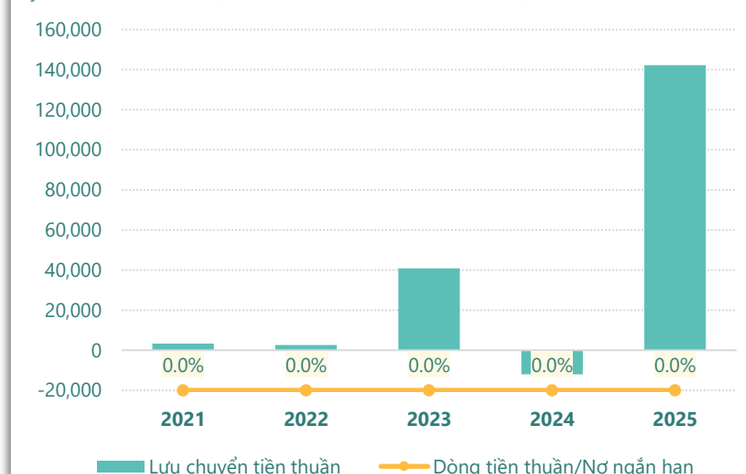
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**-11,577**	**-7,310**	**-58.4%**	**-37,478**	**-27,910**	**-34.3%**
Giá vốn hàng bán	2,101	1,181	77.9%	6,579	4,368	50.6%
Lợi nhuận gộp	5,602	4,149	35.0%	18,062	14,603	23.7%
Doanh thu HĐTC	-3,501	-2,968	-18.0%	-11,484	-10,234	-12.2%
Chi phí TC	260	485	-46.3%	1,757	2,000	-12.2%
Chi phí lãi vay	80.3	118	-32.0%	668	1,756	-61.9%
LN trong công ty LKLD	**822**	**2,412**	**-65.9%**	**1,590**	**2,803**	**-43.3%**
Chi phí bán hàng	1,574	1,203	30.8%	5,314	3,281	62.0%
Chi phí QLDN	**0**	**0.00**		**0**	**4,658**	**-100%**
LN thuần từ HĐKD	0	0.00		0	-1,378	100%
Lợi nhuận khác	**13,298**	**11,317**	**17.5%**	**48,012**	**38,406**	**25.0%**
LN trước thuế	-2,169	-3,224	32.7%	-13,744	-9,577	-43.5%
Lợi nhuận sau thuế	**-7.52**	**3.85**	**-295%**	**-8.51**	**10.2**	**-183%**
LNST của CĐ cty mẹ	**140**	**97.5**	**44.0%**	**604**	**318**	**90.2%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-20,490	16,055	-26,075	27,592	10,405	127,554
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-529	-909	-177	-224	-777	-35.6
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	395	4,352	2,199	3,500	2,072	-3,814
Tiền đầu kỳ	98,167	77,543	97,040	72,987	103,854	115,555
Lưu chuyển tiền thuần	**-20,624**	**19,497**	**-24,053**	**30,868**	**11,701**	**123,705**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	77,543	97,040	72,987	103,854	115,555	239,260

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**136,136**	**112,149**	**21.4%**
Tài sản ngắn hạn	4,966	3,349	48.3%
Tiền và tương đương tiền	68,494	29,825	130%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	63,888	-100%
Phải thu ngắn hạn	4,693	7,932	-40.8%
Hàng tồn kho	4,295	4,613	-6.9%
Tài sản ngắn hạn khác	0	0	
Tài sản dài hạn	**3,806**	**3,751**	**1.5%**
Phải thu dài hạn	9,423	9,015	4.5%
Tài sản cố định	-3,874	-3,297	-17.5%
Bất động sản đầu tư	0	9.52	-100%
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	79,516	-100%
Tài sản dài hạn khác	**65,034**	**47,312**	**37.5%**
Lợi thế thương mại	2.19	0	
Nợ phải trả	80,550	53,063	51.8%
Nợ ngắn hạn	**0**	**0**	
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,304	1,304	0.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	0	0	
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**0**	**0**	
Vốn chủ sở hữu	**0**	**0**	
Vốn điều lệ	0	0	
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)